

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 69/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 03/7/2024

"tranh chấp về ly hôn, giải quyết
nuôi con"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Năng

- Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đức

Ông Nguyễn Tất Thề.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 51/2024/ TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, giải quyết nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 60/2024/QĐXX-ST ngày 23 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/6/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị [Phan Thị T](#); Sinh năm 1991; Địa chỉ cư trú: [Thôn K, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh](#); đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh [Phan Văn H](#); Sinh năm 1987; Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: [Thôn B, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh](#) (Hiện đang lao động tại Hàn Quốc); đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị [Phan Thị T](#) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh [Phan Văn H](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/4/2014 tại [UBND xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh](#). Sau khi kết hôn được 3 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị về nhà bố mẹ chị ở và sinh con. Cuối năm 2014 anh [H](#) đi lao động tại Đài Loan, năm 2017 về nước, đến cuối năm 2017 anh [H](#) đi lao động tại Hàn Quốc cho đến nay. Bản thân chị đi lao động tại Đài Loan năm 2017, hiện tại đã về Việt Nam. Quá trình kết hôn hơn 10 năm, vợ chồng chỉ sống chung được 3 tháng, sau đó ly thân nên không liên lạc gặp gỡ. Cuộc sống hôn nhân không có tiếng nói chung, không có mục đích chung nên chị mong muốn được giải quyết ly hôn với anh [H](#).

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là [Phan Nữ Quỳnh A](#), sinh ngày 17/11/2014, từ khi sinh ra cháu ở cùng mẹ và gia đình ngoại tại [xã X, huyện N, Hà Tĩnh](#). Chị có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và yêu cầu anh [Phan Văn H](#) cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ khi ly hôn đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị [T](#) trình bày không biết địa chỉ cụ thể của anh [Phan Văn H](#) tại Hàn Quốc mà chỉ biết anh thường gọi điện về cho người nhà là ông [Phan Văn T1](#) (bố đẻ) ở [thôn B, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh](#). Chị đề nghị Tòa án thu thập địa chỉ của anh [H](#) qua ông [Phan Văn T1](#). Chị [T](#) yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tiến hành thụ lý giải quyết vụ án mà không thực hiện thủ tục hòa giải tiền tố tụng cũng như hòa giải trong quá trình giải quyết, đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh [Phan Văn H](#) hiện đang làm việc tại Hàn Quốc. Tòa án đã tiến hành xác minh tại ông [Phan Văn T1](#) và bà [Nguyễn Thị X](#) (bố mẹ đẻ của anh [H](#)) ở [thôn B, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh](#); gọi điện (ghi âm, ghi hình) qua tài khoản mạng xã hội với anh [H](#) do gia đình cung cấp, nội dung thể hiện: Anh và chị [Phan Thị T](#) kết hôn ngày 23/4/2014, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại [UBND xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh](#). Sau khi kết hôn, anh đi lao động tại Đài Loan, đến khoảng năm 2018 anh đi Hàn Quốc, từ khi đi Hàn Quốc anh chưa về nước lần, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do thường ở xa và không hiểu nhau, bất đồng quan điểm sống. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị [T](#) xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là [Phan Nữ Quỳnh A](#), sinh ngày 17/11/2014, vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu chị [T](#) cấp dưỡng. Trường hợp chị [T](#) yêu cầu được nuôi con thì anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, việc cho con anh sẽ tự nguyện chứ không xác nhận trên giấy tờ.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh hiện đang lao động tại nước ngoài không thể về Việt Nam giải quyết vụ án nên đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh. Các tài liệu liên quan đến vụ án đề nghị Tòa án gửi về cho bố mẹ anh là ông [Phan Văn T1](#) và bà [Nguyễn Thị X](#) nhận thay.

Ông [Phan Văn T1](#) và bà [Nguyễn Thị X](#) đồng ý nhận ủy quyền của anh [H](#) về việc giao nhận các tài liệu chứng cứ, cam kết nhận trách nhiệm giao lại cho anh [H](#).

Cháu [Phan Nữ Quỳnh A](#), sinh ngày 17/11/2024, trú tại [thôn K, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh](#) có đơn trình bày nguyện vọng được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, các đương sự; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; mục 2 phần II Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 7, Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 469, Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; đề nghị:

- Về tình cảm: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị [Phan Thị T](#) và anh [Phan Văn H](#).

- Về con chung: Giao cháu [Phan Nữ Quỳnh A](#) cho chị [Phan Thị T](#) được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh [Phan Văn H](#) có nghĩa vụ phải cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên miễn xem xét.

- Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị [Phan Thị T](#) (Nơi ĐKKHKT: [Thôn K, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh](#)) khởi kiện xin ly hôn anh [Phan Văn H](#) (Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: [Thôn B, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh](#)), anh [H](#) đang sống và làm việc tại Hàn Quốc. Theo công văn số 7169/QLXNC- P3 ngày 10/4/2024 của [Cục Q](#) thì anh [H](#) đã xuất cảnh lần gần nhất ngày 19/11/2017, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh [Phan Văn H](#) thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng cô tình không cung cấp địa chỉ của anh hiện nay ở nước ngoài. Gia đình anh vẫn thường xuyên liên lạc với anh [H](#) nên đã nhận các văn bản tố tụng để thông báo cho anh [H](#). Vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục bị đơn cô tình giấu địa chỉ. Do điều kiện công việc không về Việt Nam giải quyết vụ án được nên anh [H](#) yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết, xét xử và các tài liệu liên quan đến vụ án đề nghị Tòa án gửi về cho bố mẹ anh là ông [Phan Văn T1](#), bà [Nguyễn Thị X](#) nhận. Chị [Phan Thị T](#) vì lý do bận công việc nên không thể đến tham gia phiên tòa, có đơn xin được xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh chị [T](#), anh [H](#) theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị [Phan Thị T](#) và anh [Phan Văn H](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị [T](#) và anh [H](#) là hợp pháp. Theo lời khai của các đương sự, sau khi kết hôn vợ chồng sống chung được 3 tháng, sau đó mỗi người đi lao động một nơi, sống xa nhau, từ đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành, hai bên xác định tình cảm không còn, chị [T](#) xin ly hôn, anh [H](#) đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị [T](#) và anh [H](#) không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho tình trạng hôn nhân trầm trọng, mâu thuẫn căng thẳng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, hai bên có yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị [Phan Thị T](#) và anh [Phan Văn H](#).

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là [Phan Nữ Quỳnh A](#), sinh ngày 17/11/2014. Chị [Phan Thị T](#) và anh [Phan Văn H](#) đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi anh [H](#) đi làm việc tại nước ngoài đến nay, con [Phan Nữ Quỳnh A](#) sống với mẹ và ông bà ngoại, cuộc sống ổn định, được mẹ chăm sóc phát triển tốt, con có đơn trình bày nguyện vọng được sống cùng mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Anh [H](#) đang lao động tại Hàn Quốc từ năm

2017 đến nay chưa về nước lần nào, còn chị [T](#) hiện nay sống và làm việc tại Việt Nam, do đó giao con chung [Phan Nữ Quỳnh A](#) cho chị [T](#) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành hoặc có sự thay đổi về quyền nuôi con là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị [T](#) yêu cầu anh [H](#) cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, anh [H](#) không đồng ý và trình bày việc anh cấp dưỡng nuôi con như thế nào tùy anh quyết định chứ không xác nhận trên giấy tờ. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình quy định: “*tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con*”. Căn cứ Nghị định 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ quy định về mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động và phụ lục bảng tra mức lương tối thiểu vùng theo cấp huyện từ ngày 01/4/2024 đến 30/6/2024, lương tối thiểu theo tháng là 3.250.000 đồng áp dụng đối với [huyện N](#). Theo đó mức cấp dưỡng không được thấp hơn 1.625.000 đồng. Căn cứ quy định pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con chưa thành niên, căn cứ chi phí sinh hoạt để nuôi dưỡng con hiện nay, chi phí học tập nên buộc anh [H](#) phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp. Về phương thức cấp dưỡng nuôi con, buộc anh [H](#) cấp dưỡng theo phương thức cấp dưỡng hàng tháng là phù hợp với nhu cầu, lợi ích của con và điều kiện kinh tế của người cấp dưỡng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị [Phan Thị T](#) tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Anh [Phan Văn H](#) phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; mục 2 phần II Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 7, Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải

quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 469, Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14;
Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị [Phan Thị T](#) và anh [Phan Văn H](#).

2. Về con chung: Giao con chung [Phan Nữ Quỳnh A](#), sinh ngày 17/11/2014 cho chị [Phan Thị T](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi về quyền nuôi con. Anh [Phan Văn H](#) cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) theo phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng kể từ thời điểm ly hôn đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không được ai cản trở.

3. Về án phí: Chị [Phan Thị T](#) tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0000812 ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Trả lại cho chị [Phan Thị T](#) 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh [Phan Văn H](#) phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
 - VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
 - Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
 - Các đương sự;
 - UBND xã X,
- huyện N, Hà Tĩnh (Nơi ĐKKH);
- Lưu HSVA, VP, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Năng

